TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/DS-ST
Ngày: 01 - 3 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:* Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Cao Văn L, sinh năm 1964; Có mặt.

2. Bà Dương Thị B, sinh năm 1964; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khu C, thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị B: Ông Cao Văn L, sinh năm 1964; địa chỉ: Khu C, thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Là chồng bà B; Có mặt.

- *Bị đơn*:

1. Ông Lê Bá H, sinh năm 1972; Có mặt.

2. Bà Trần Thị T, sinh năm 1979; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khu A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là ông Cao Văn L và bà Dương Thị B trình bày:

Gia đình ông L, bà B với gia đình ông H, bà T có quan hệ quen biết, là người ở cùng địa phương thị trấn S. Từ năm 2016 bà T có vay tiền của bà B số tiền 300.000.000 đồng, đến năm 2018 vay thêm 320.000.000 đồng. Tổng cộng 02 lần vay là 620.000.000 đồng, các lần vay đều viết giấy vay tiền. Đến ngày 12/4/2018 gia đình ông L, bà B yêu cầu bà T lên nhà để chốt số nợ, thì hai bên có thỏa thuận, bà T có gửi gia đình ông L, bà B 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình chị Trần Thị P và 02 hợp đồng bảo hiểm nhân thọ mang tên Lê Bá H và Trần Thị T để làm tin, bà T có xác nhận tổng số tiền vay là 620.000.000 đồng, hai bên có viết giấy vay tiền (giấy do ông L viết, bà T ký xác nhận người vay). Qúa trình sau đó bà T vẫn không trả được nợ, nên năm 2019 gia đình ông L, bà B có làm đơn đến Công an tỉnh T nhờ giải quyết. Quá trình làm việc, Công an tỉnh có mời bà T và ông H làm việc, nhưng bà T không có mặt, chỉ ông H có mặt làm việc, thì hai bên ông L và ông H có tự thỏa thuận xác định số nợ là 620.000.000 đồng, gia đình ông L, bà B cho gia đình ông H, bà T 200.000.000 đồng, theo đó hai bên thỏa thuận gia đình ông L, bà B chỉ yêu cầu gia đình ông H, bà T phải trả nợ số tiền 420.000.000 đồng, gia đình ông H, bà T hẹn trả nợ trong 3 năm, năm 2022 trả xong nợ. Nhưng gia đình ông H, bà T mới chỉ trả nợ cho gia đình ông L, bà B được 1 đôi lọc bình 50.000.000 đồng và 01 bộ bàn ghế 60.000.000 đồng, tổng là 110.000.000 đồng, hiện nay vẫn đang còn nợ lại gia đình ông L, bà B 310.000.000 đồng. Gia đình ông bà đã yêu cầu trả nợ nhiều lần nhưng ông H, bà T không trả được nợ, nên ông L, bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông H, bà T phải trả nợ số tiền 310.000.000 đồng; Ông L, bà B không yêu cầu tính lãi suất.

Tại bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Lê Bá H trình bày:

Gia đình ông H với gia đình ông L, bà B có quan hệ quen biết, là người cùng địa phương. Việc vay mượn tiền giữa gia đình Bích L1 (Bà Dương Thị B, ông Cao Văn L) với bà T (là vợ ông H) từ thời điểm nào, với số tiền bao nhiêu ông H không biết. Đến năm 2018 Công an tỉnh T có triệu tập làm việc, thì ông H mới biết là bà T có vay tiền của gia đình Bích L1. Qúa trình làm việc với công an tỉnh, có xác định việc bà T có vay số tiền 620.000.000 đồng, thì hai bên có thỏa thuận nếu ông H đứng ra nhận trách nhiệm trả nợ chung cùng với bà T, thì gia đình ông L1 cho 200.000.000 đồng và hẹn trả nợ trong vòng 3 năm, đến năm 2022 là trả xong nợ. Hai bên có lập biên bản thỏa thuận, ông H có ký biên bản thỏa thuận xác nhận số tiền nợ còn lại là 420.000.000 đồng. Ngoài ra, hai bên còn có thỏa thuận là nếu gia đình ông H trả được số tiền nợ 100.000.000 đồng thì gia đình ông L1, bà B phải trả lại cho gia đình ông H, bà T giấy tờ nhà đất của bà P, để ông bà trả lại bà P, nhưng khi ông H đã trả được số tiền 110.000.000 đồng, gia đình ông L1, bà B vẫn không trả lại giấy tờ nhà đất của gia đình bà P. Sau đó bà P đã phải khởi kiện ra Tòa án đòi lại giấy tờ nhà đất. Nay ông L1, bà B khởi kiện đòi nợ, quan điểm của ông H là xác nhận việc gia đình ông đang còn nợ lại gia đình ông L1, bà B số tiền là 310.000.000 đồng, nhưng

do hiện tại bà T không có mặt tại địa phương, đã đi làm ăn xa từ 5 năm nay, thi thoảng mới về; điều kiện kinh tế gia đình ông đang gặp khó khăn, nên ông H xin được trả nợ làm nhiều lần.

Đối với bị đơn là bà Trần Thị T: Qúa trình giải quyết vụ án, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng bà T vắng mặt không có lý do, cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Tòa án không lấy được lời khai.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Cao Văn L, bà Dương Thị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn ông Lê Bá H giữ nguyên ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, như sau:

I. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ về trình tự, thủ tục, nhiệm vụ, quyền hạn theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; có mặt theo triệu tập và chấp hành các quyết định của Tòa án.

- Bị đơn ông Lê Bá H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; có mặt theo triệu tập và chấp hành các quyết định của Tòa án. Bị đơn bà Trần Thị T không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quền và lợi ích hợp pháp của minh; không có mặt theo triệu tập và chấp hành các quyết định của Tòa án.

II. Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Cao Văn L và bà Dương Thị Bích .

Buộc ông Lê Bá H và bà Trần Thị T có trách nhiệm trả nợ cho ông Cao Văn L và bà Dương Thị B số tiền nợ gốc là 310.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chậm trả tương

ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của ông Cao Văn L và bà Dương Thị B và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn là ông Lê Bá H và bà Trần Thị T, cư trú tại: Khu A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Dương Thị B vắng mặt, nhưng có người đại diện theo ủy quyền là ông Cao Văn L tham gia phiên tòa; bị đơn là bà Trần Thị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà B và bà T.

[2] Xét "giấy cho vay tiền ghi ngày 12/4/2018", và "Biên bản thỏa thuận ghi ngày 13/8/2019" do nguyên đơn xuất trình, thấy rằng: Giấy cho vay tiền ghi ngày 12/4/2018, thể hiện nội dung: "Ông Cao Văn L và bà Dương Thị B có cho vợ chồng ông Lê Bá H, bà Trần Thị T vay tổng số tiền là 620.000.000 đồng"; có chữ ký của người cho vay tiền là ông Cao Văn L và chữ ký của người vay là bà Trần Thị T. Biên bản thỏa thuận ghi ngày 13/8/2019, thể hiện nội dung: "Ông Lê Bá H có nhận nợ vợ chồng ông L, bà B số tiền là 420.000.000 đồng; hai bên có thỏa thuận phương án trả nợ cụ thể: tháng 10/2019 thanh toán 100.000.000 đồng, năm 2020 thanh toán 100.000.000 đồng, năm 2021 thanh toán 100.000.000 đồng, năm 2022 thanh toán sô tiền 120.000.000 đồng"; Biên bản có chữ ký của ông Cao Văn L và ông Lê Bá H. Qúa trình giải quyết vụ án, ông Cao Văn L, bà Dương Thị B và ông Lê Bá H đều thừa nhận về nội dung và xác nhận về chữ viết chữ ký. Do đó, có cơ sở xác định "giấy cho vay tiền ghi ngày 12/4/2018", và "Biên bản thỏa thuận ghi ngày 13/8/2019" nêu trên có hiệu lực pháp luật, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên trong giao dịch dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ gốc, thấy rằng:

[3.1] Nguyên đơn là ông Cao Văn L, bà Dương Thị B khởi kiện đòi nợ vợ chồng ông Lê Bá H, bà Trần Thị Thông s tiền nợ gốc 310.000.000 đồng. Qúa trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Trần Thị T không đến Tòa án làm việc, không có lời khai. Tuy nhiên, bị đơn là ông Lê Bá H có ý kiến xác nhận nội dung: Việc bà T có vay của vợ chồng ông L, bà B số tiền 620.000.000 đồng; quá trình Công an tỉnh giải quyết vụ việc thì hai bên có tự thỏa thuận với nhau là: nếu ông H đứng ra nhận trách nhiệm trả nợ chung cùng với bà T, thì gia đình ông L sẽ giảm nợ cho 200.000.000

đồng và hẹn trả nợ trong vòng 3 năm, đến năm 2022 là trả hết nợ; hai bên có lập biên bản thỏa thuận, ông H có ký xác nhận số tiền nợ là 420.000.000 đồng. Sau đó, ông H đã trả bớt số nợ được 110.000.000 đồng, nay ông H xác nhận chỉ còn nợ vợ chồng ông L, bà B số tiền 310.000.000 đồng.

[3.2] Ý kiến trình bày của ông L, bà B và ông H, là phù hợp với "giấy cho vay tiền ghi ngày 12/4/2018" và "Biên bản thỏa thuận ghi ngày 13/8/2019". Như vậy có đủ cơ sở khẳng định vợ chồng ông H, bà T đang còn nợ vợ chồng ông L, bà B số tiền nợ gốc là 310.000.000 đồng. Đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi. Qúa trình thực hiện thỏa thuận giữa hai bên, do ông H, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo như thỏa thuận, nên việc ông L, bà B khởi kiện đòi nợ là có cơ sở. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, bà B buộc ông Lê Bá H và bà Trần Thị T phải trả nợ cho ông Cao Văn L và bà Dương Thị Bích s1 tiên nợ gốc 310.000.000 đồng.

[4] Về yêu cầu tính lãi: Qúa trình giải quyết vụ án, ông Cao Văn L và bà Dương Thị B không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ, nên không xem xét.

[5] Về lãi suất chậm trả: Các bên đương sự không có thỏa thuận, nên thực hiện theo quy định của pháp luật.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông Lê Bá H và bà Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí, nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Vê quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2, 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 6 Điều 19, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Cao Văn L và bà Dương Thị Bích .

Buộc ông Lê Bá H và bà Trần Thị T có trách nhiệm trả nợ cho ông Cao Văn L và bà Dương Thị B số tiền nợ gốc là 310.000.000 đồng *(ba trăm mười triệu đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Lê Bá H và bà Trần Thị T phải nộp 15.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Cao Văn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.750.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0016332 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Minh Tiến